

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
TP. CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23 /2020/DS-ST

Ngày: 11 - 8 - 2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Kiệt**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Thái Ánh Trinh**

2. Bà **Nguyễn Kim Phụng**

- *Thư ký Tòa án:* Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hằng** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Thuý Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2019/TLST- DS ngày 19 tháng 02 năm 2019, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 534/2020/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Huỳnh Nhất T** – Sinh năm 1976

Cư trú: Khóm H, phường M, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện theo uỷ quyền của ông Thanh là bà **Bùi Trần Phú T** – Sinh năm 1976. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp M, thị trấn P, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Ngọc N** – Sinh năm 1945, bà **Châu Thị É** – Sinh năm 1950

Cùng cư trú: Khu vực P1, phường N, Q. Thốt Nốt, Tp. Cần Thơ. Có mặt.

3. *Người làm chứng:*

- Ông **Bùi Văn H** – sinh năm 1967. Vắng mặt

Cư trú: Khóm T, phường M, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Ông **Phạm Văn M** – sinh năm 1984. Vắng mặt

Cư trú: Khóm H, phường M, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn là bà Bùi Trần Phú Thư trình bày:

Ngày 25/8/2018, ông Huỳnh Nhất T có cho ông Nguyễn Ngọc N và bà Châu Thị É vay số tiền 135.000.000 đồng. Ông N nói vay tiền để đáo hạn khoản vay của Ngân hàng.

Khi đó ông T là người trực tiếp đưa số tiền 135.000.000đ cho ông N nhận, còn bà É thì không có mặt. Nhưng có mặt 02 người làm chứng là ông Phạm Văn M (cư ngụ: khóm H, P. M, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang) và ông Bùi Văn H (cư ngụ: khóm T, P. M, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang). Chính ông N là người viết “*Giấy mượn nợ*” ngày 25/8/2018, có ông T, ông N và 02 người làm chứng là ông M, ông H cùng ký tên, giấy lập tại Ban Khóm H – phường M.

Do cả ông T, ông H và ông N đều có quen biết và ở cùng xóm với nhau (phường M), nên khi nghe ông H nói là ông N có nhu cầu vay tiền để đáo hạn khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp ở thành phố Long Xuyên – tỉnh An Giang, thì ông T cho ông N vay trong thời hạn 02 tháng (từ 25/8/2018 đến 25/10/2018) sẽ trả lại đủ tiền gốc chứ không có tính tiền lãi. Sau đó, ông T có tìm hiểu và biết được ông N đã trả tiền vay cho Ngân hàng xong rồi, nhưng không có đáo hạn lại. Khi đến hạn trả nợ, ông T có đi tìm gặp ông N để đòi nợ nhưng ông N vẫn không chịu trả, còn những người trong gia đình ông N nói rằng ông ký Giấy mượn nợ trong lúc không được tỉnh táo nên gia đình ông N không đồng ý trả khoản tiền này.

Nay ông T kiện yêu cầu ông N và bà É cùng chịu trách nhiệm liên đới trả số nợ vay 135.000.000 đồng nói trên cho ông T; và đồng thời yêu cầu tính lãi chậm trả kể từ ngày 25/10/2018 đến ngày xét xử, theo lãi suất 10% / năm, làm tròn số tiền lãi là 23.890.000 đồng.

** Bị đơn ông Nguyễn Ngọc N trình bày:*

Trước đây, ông N có vay mượn tiền của ông Bùi Văn H số tiền 20.000.000 đồng, vào khoảng cuối năm 2011 để có vốn mua gỗ làm nghề mộc, với lãi suất 10%/ tháng, đóng lãi hàng tháng, khi nào có đủ tiền thì trả nợ gốc. Ông N đã đóng lãi được 02 tháng cộng lại là 4.000.000 đồng. Sau đó làm ăn thua lỗ nên không đóng lãi nữa. Đến tháng 4/ 2012 (âm lịch), ông H buộc ông viết tờ “Biên nhận” nợ số tiền 33.600.000 đồng, bao gồm cả tiền gốc lẫn lãi, ông N mới viết và đưa bản chính cho ông H giữ, trong tờ Biên nhận đó ghi chủ nợ là “cô Hường” tức là vợ của ông H, vì ông H kêu để vợ ông đứng tên.

Từ năm 2012 đến cuối năm 2017, ông H nhiều lần điện thoại kêu ông N trả tiền, nhưng ông N không có trả và cũng giấu vợ con nên không có nói cho ai biết. Đến ngày 30/12/2017 (âm lịch), dương lịch là đầu năm 2018, ông H có kêu ông N lên nhà ông để viết tờ “Biên nhận” nợ số tiền 135.000.000 đồng, bao gồm cả vốn 20.000.000 đồng và lãi tính đến thời điểm đó, nhưng ông H kêu ghi chung như vậy. Ông H cũng giữ bản chính tờ Biên nhận này.

Trước đây, vào khoảng năm 2013, ông N có vay Ngân hàng Nông nghiệp thành phố Long Xuyên – tỉnh An Giang số tiền 250.000.000 đồng để làm ăn. Đến khoảng tháng 6/2018 thì ông N đã trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng, bởi ông và Ngân hàng thỏa thuận phát mãi tài sản để thanh toán nợ cho xong. Từ khi trả nợ xong cho Ngân hàng đến nay, ông N không có vay lại của Ngân hàng. Cho nên chuyện ông T nói cho ông N vay số tiền 135.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng vào tháng 8/2018 là không có thật, vì khi đó ông N không còn nợ tiền gì

của Ngân hàng. Đến tháng 8/2018, ông H mới gài ông T vào để buộc ông N viết “Giấy mượn nợ” ngày 25/8/2018, chứ thật sự ông N không hề có quen biết hay vay mượn tiền gì của ông T. Hôm đó, vào ngày thứ 7, ông T, ông H cùng ông N lại Văn phòng Khóm H – phường M, ông T điện thoại kêu ông M lại để chứng kiến và ký tên vào Giấy mượn nợ, lúc đó ông N cũng vừa mới xuất viện ở Bệnh viện tim mạch An Giang được khoảng 04 – 05 ngày, tinh thần suy sụp và bị ép buộc nên ông N mới viết.

Sau ngày ông N viết “Giấy mượn nợ” ngày 25/8/2018, ông T và ông H có xuống nhà ông N đòi trả nợ, ông N kêu ông H mang các tờ Biên nhận nợ trước đó ông N đã ký cho ông H để các bên thương lượng; ông H mới về lấy 02 tờ phô tô “Biên nhận” tôi viết vào tháng 4/2012 và tháng 12/2017 (âm lịch) nói trên đưa cho ông N, chứ không có đưa ra bản gốc.

Ông N khẳng định không có vay mượn tiền gì của ông T nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của ông T.

* Bà Châu Thị É cho rằng: Bà không biết gì về số nợ mà ông T trình bày trên đây, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T.

* Người làm chứng là ông Bùi Văn H khai rằng:

Vào ngày 25/8/2018, ông T có gặp và kêu ông H đến Văn phòng khóm H – phường M – Tp. Long Xuyên, để chứng kiến việc ông T có cho ông N mượn tiền. Khi đến tại nơi đó có mặt ông Nguyễn Ngọc N, ông Huỳnh Nhất T và ông Phạm Văn M, ông H thấy ông T có đưa cho ông N mượn số tiền 135.000.000đ (không tính lãi), ông N nói mượn để trả nợ gì đó tôi không rõ, và ông N hứa vài tháng sau sẽ trả số tiền đó cho ông T. Khi đó ông N có viết “Giấy mượn nợ”, những người có mặt là ông Nam, ông T, ông M và ông H cùng ký tên vào “Giấy mượn nợ”.

Ngoài ra, ông H cho rằng: Vào năm 2011, ông H có cho ông N vay số tiền 20.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 03%/ tháng, nhưng sau đó ông N không có trả lãi, mặc dù ông H nhiều lần điện thoại đòi. Đến cuối năm 2017, thì ông N có mang 20.000.000đ trả nợ gốc xem như giữa ông H và ông N không còn quan hệ nợ nần gì với nhau nữa.

Còn việc ông N cho rằng sau ngày 25/8/2018, ông T và ông H có xuống nhà ông N đòi trả nợ thì ông H có đi theo chứ không có đưa ra bất cứ tờ “Biên nhận” nào và ông H cũng không có giữ “Biên nhận” gì của ông N.

* Người làm chứng là ông Phạm Văn M khai rằng:

Vào ngày 25/8/2018, tại Văn phòng khóm H – phường M – Tp. Long Xuyên, ông M có chứng kiến việc ông T có cho ông N mượn số tiền 135.000.000đ (không tính lãi). Khi đó ông N có viết “Giấy mượn nợ”, những người có mặt là ông N, ông T, ông M và ông H cùng ký tên vào “Giấy mượn nợ”.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành của những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Nam phải có trách nhiệm trả số nợ gốc và lãi như đại diện nguyên đơn trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã vay 135.000.000 đồng và lãi chậm trả. Đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt theo quy định tại khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền. Các đương sự không thỏa thuận được, nên vụ án được đưa ra xét xử. Những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng họ đã có lời khai rõ ràng. Do đó, căn cứ theo Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt những người này là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo lời khai và chứng cứ phía nguyên đơn cung cấp, ngày 25/8/2018 ông Huỳnh Nhất T có cho ông Nguyễn Ngọc N vay số tiền 135.000.000 đồng, ông N có viết tờ “Giấy mượn nợ” ngày 25/8/2018 có sự chứng kiến của ông Bùi Văn H và ông Phạm Văn M. Những người làm chứng là ông H và ông M cũng thừa nhận việc này. Trong khi đó, bị đơn ông Nguyễn Ngọc N cho rằng ông bị ép buộc viết tờ “Giấy mượn nợ” ngày 25/8/2018 chứ sự thật ông không có vay mượn tiền của ông T. Tuy nhiên, ông N không có gì để chứng minh rằng mình bị ép buộc nhận nợ. Mặc dù ông N có đưa ra 02 tờ “Biên nhận” ngày 30/4/2012 âm lịch và tờ Biên nhận ngày 30/12/2017 âm lịch để cho rằng ông chỉ có nợ ông H chứ không có nợ ông T. Nhưng khi xem xét 02 tờ Biên nhận này thấy rằng ông N chỉ cung cấp được bản phô tô, ông N nói bản chính do ông H giữ nhưng ông H không thừa nhận việc này, nên Tòa án cũng không thể nào thu thập được bản chính. Mặt khác, trên 02 tờ Biên nhận mà ông N cung cấp, chỉ có chữ ký và chữ viết của ông N, nên không có cơ sở để khẳng định sự thật khách quan được.

Theo quy định về nghĩa vụ chứng minh tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp... Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

Như vậy, phía bị đơn không thừa nhận nợ nhưng cũng không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho lập luận của mình, trong khi phía nguyên đơn đã cung cấp được nhân chứng và vật chứng phù hợp nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử không thể chấp nhận ý kiến của bị đơn, mà cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn do có cơ sở.

Đối với bị đơn là bà Châu Thị É cho rằng bà không biết gì về khoản nợ mà nguyên đơn yêu cầu. Thấy rằng, tờ “Giấy mượn nợ” ngày 25/8/2018, chữ ký bên mượn nợ là ông N chứ bà É không có ký nhận. Hơn nữa, dù bà É và ông N là vợ chồng, nhưng không chứng minh được khoản nợ 135.000.000 đồng ông N vay để

chỉ dùng vào mục đích chung của gia đình hay vì nhu cầu của gia đình. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại các Điều 37, 45 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận phần nguyên đơn yêu cầu buộc ông N trả nợ chứ không buộc bà E cùng chịu trách nhiệm liên đới với ông N.

Về khoản tiền lãi: Hợp đồng vay tài sản số tiền 135.000.000 đồng nói trên là vay có kỳ hạn và không có lãi. Theo ghi nhận trong “Giấy mượn nợ” ngày 25/8/2018 thì thời hạn vay là 02 tháng, từ ngày 25/8/2018 đến ngày 25/10/2018. Tuy nhiên, sau khi đến hạn ông N vẫn không trả nợ gốc cho ông T. Vì vậy, ông T yêu cầu tính lãi chậm trả kể từ sau ngày 25/8/2018 đến ngày xét xử (11/8/2020) với mức lãi suất 10%/ năm là có cơ sở theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Tính ra số tiền lãi mà ông N phải trả cho ông T làm tròn bằng 23.890.000 đồng đã là có lợi cho bị đơn, nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp buộc ông Nguyễn Ngọc N trả nợ, nên ông N phải chịu án phí theo quy định pháp luật, tương ứng số tiền án phí là $05\% \times (135.000.000\text{đ} + 23.890.000\text{đ}) = 7.944.500$ đồng. Nhưng do ông N đã trên 60 tuổi, là người cao tuổi nên được xét miễn án phí theo quy định tại điểm đ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Lời phát biểu ý kiến và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là có cơ sở như đã phân tích.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều: 5; 6; 26; 35; 39; 91; 92; 147; 165; 228; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 357; 463; 466; 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Ngọc N có trách nhiệm trả cho ông Huỳnh Nhất T số tiền đã vay, gồm nợ gốc là 135.000.000 đồng và nợ lãi là 23.890.000 đồng, tổng cộng là 158.890.000 đồng (*một trăm năm mươi tám triệu, tám trăm chín mươi ngàn đồng*).

Thời gian và phương thức thanh toán do Chi cục Thi hành án dân sự giải quyết khi thi hành án. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nói trên, thì còn phải trả thêm tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015”.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Ngọc N được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Huỳnh Nhất T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.459.000 đồng (*ba triệu, bốn trăm năm mươi chín ngàn đồng*), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án Số AA/2016/004524 ngày 28 tháng 01 năm 2019, của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt – Tp. Cần Thơ.

Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q.Thốt Nốt;
- Chi cục THADS Q.Thốt Nốt;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Kiệt